

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
CỬ NHÂN GIÁO DỤC MẦM NON**

(kèm theo Quyết định số 2353/QĐ-ĐHSP ngày 26 tháng 8 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên)

I. Mô tả chương trình đào tạo

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo (CTĐT) cử nhân Giáo dục Mầm non (GDMN) được xây dựng và tổ chức đào tạo từ năm học 2004-2005, đến nay đã trải qua 6 lần điều chỉnh. Hầu hết các học phần thuộc CTĐT được giảng dạy bằng tiếng Việt bởi giảng viên (GV) của Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên (ĐHSP-ĐHTN). Tháng 4/2019, CTĐT cử nhân GDMN đã được kiểm định và đạt chuẩn chất lượng quốc gia với xếp loại tốt.

Lần điều chỉnh năm 2024 nhằm mục đích phát triển, hoàn thiện chuẩn đầu ra, mục tiêu đào tạo, nội dung, hình thức, phương pháp đào tạo và các yếu tố cơ bản khác đáp ứng yêu cầu thực tiễn của xu thế hội nhập, phát triển cấp học mầm non, nhu cầu người học và nhà tuyển dụng; đáp ứng chiến lược phát triển, sứ mạng, tầm nhìn của Khoa GDMN và Trường ĐHSP-ĐHTN trong lộ trình phát triển CTĐT đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục của khu vực và quốc tế; đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên (SV) ngành GDMN và thực hiện đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam theo Luật giáo dục.

2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình (tiếng Việt)	Cử nhân giáo dục mầm non
Tên chương trình (tiếng Anh)	Bachelor of Early Childhood Education
Mã ngành đào tạo:	7140201
Trường cấp bằng:	Trường ĐHSP-ĐHTN
Tên gọi văn bằng:	Cử nhân Giáo dục Mầm non/ Bachelor of Early Childhood Education
Trình độ đào tạo:	Đại học
Số tín chỉ yêu cầu:	128
Hình thức đào tạo:	Chính quy tập trung
Thời gian đào tạo:	4 năm
Đối tượng tuyển sinh:	Học sinh tốt nghiệp THPT
Thang điểm đánh giá:	10

H. Quế

Điều kiện tốt nghiệp:	- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của CTĐT: 128 tín chỉ; - Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên; - Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất; - Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ (trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam _ tương đương với trình độ Bản chất theo Khung tham chiếu chung Châu Âu); - Đạt chuẩn đầu ra về công nghệ thông tin: tin học cơ bản
Vị trí việc làm:	- Giáo viên tại cơ sở GDMN, trung tâm GDMN; - Chuyên viên về GDMN tại cơ quan quản lý giáo dục; - Chuyên gia tư vấn GDMN; - Nghiên cứu viên về GDMN tại cơ quan nghiên cứu giáo dục; - GV tại cơ sở đào tạo giáo viên mầm non.
Học tập nâng cao trình độ:	Học thạc sĩ và tiến sĩ chuyên ngành GDMN và chuyên ngành gần của ngành giáo dục mầm non ở trong và ngoài nước.
Chương trình tham khảo khi xây dựng:	CTĐT ngành GDMN của các trường: Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh; CTĐT giáo viên mầm non của Trường Đại học quốc gia Đài Loan, Trung Quốc, Hàn Quốc, Úc.
Thời gian cập nhật bản mô tả CTĐT	Tháng 8/2024.

3. Mục tiêu đào tạo của chương trình

3.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân GDMN có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có kiến thức cơ bản, chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng; có năng lực tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em tại cơ sở GDMN, trung tâm giáo dục trẻ mầm non có nhu cầu đặc biệt, giảng dạy tại các cơ sở đào tạo giáo viên mầm non; làm tư vấn viên, chuyên viên GDMN tại cơ quan quản lý giáo dục và viện nghiên cứu; tự học, học tập sau đại học trong và ngoài nước; có năng lực ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

3.2. Mục tiêu cụ thể

PO1. Có kiến thức lý thuyết toàn diện về lý luận chính trị, các quy luật tự nhiên và xã hội; kiến thức nền tảng rộng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội.

PO2. Có kiến thức nền tảng, chuyên sâu về luật và thực thi pháp luật trong cơ sở GDMN; sinh lý học trẻ em, dinh dưỡng, vệ sinh và phòng bệnh trẻ em; tâm lý học mầm non, giáo dục học, quản lý giáo dục, phát triển môi trường giáo dục và tư vấn GDMN; văn hoá các dân tộc Việt Nam, văn học và nghệ thuật cho trẻ mầm non.

PO3. Có kiến thức nền tảng rộng, chuyên sâu về giáo dục học mầm non để vận dụng trong hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và quản lý trẻ em theo nhóm/lớp ở trường mầm non.

PO4. Có năng lực lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá kết quả hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

U Qu

PO5. Có năng lực quản lý trẻ em và chương trình GDMN cấp độ nhóm/lớp; năng lực phát triển môi trường giáo dục, năng lực nghiên cứu khoa học GDMN, năng lực tư vấn GDMN và thích ứng nghề nghiệp.

PO6. Có năng lực giao tiếp sư phạm mầm non, năng lực giải quyết vấn đề, tự học, làm việc nhóm.

PO7. Có năng lực công nghệ thông tin, tiếng Anh đáp ứng các nhiệm vụ chuyên môn của giáo viên tại cơ sở GDMN.

PO8. Thực hiện đúng quy định đối với nhà giáo, có năng lực làm việc độc lập, trách nhiệm, đổi mới và sáng tạo trong giải quyết các vấn đề chuyên môn tại cơ sở GDMN; có năng lực học tập ở bậc sau đại học và học tập suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chương trình đảm bảo SV tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

4.1. Kiến thức

** Kiến thức chung*

PLO1. Vận dụng được kiến thức cơ bản về lý luận chính trị và pháp luật Việt Nam trong cuộc sống và thực tiễn công việc của bản thân.

** Kiến thức chuyên môn*

PLO2. Phân tích được kiến thức toàn diện, chuyên sâu về luật và thực thi pháp luật trong cơ sở GDMN; sinh lý học trẻ em, dinh dưỡng, vệ sinh và phòng bệnh trẻ em; ngôn ngữ, khoa học công nghệ, tình cảm xã hội, văn hoá, văn học và nghệ thuật cho trẻ mầm non.

PLO3. Phân tích được kiến thức toàn diện, chuyên sâu về tâm lý học mầm non, giáo dục học và nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non; quản lý giáo dục, phát triển chương trình giáo dục, phát triển môi trường giáo dục và tư vấn GDMN; tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển toàn diện trẻ em ở trường mầm non.

PLO4. Vận dụng được kiến thức chuyên sâu, hiện đại của khoa học tâm lý học lứa tuổi mầm non và giáo dục trẻ mầm non trong xây dựng, tổ chức và đánh giá chương trình giáo dục trẻ tại cơ sở GDMN.

4.2. Kỹ năng

** Kỹ năng chuyên môn*

PLO5. Lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá được hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ em ở phạm vi nhóm/lớp theo chương trình GDMN.

PLO6. Lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá được sự phát triển của trẻ, hoạt động giáo dục trẻ em ở phạm vi nhóm/lớp theo chương trình GDMN; đánh giá bản thân và giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp; đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục theo một số tiêu chí của Chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục mầm non.

PLO7. Tổ chức được môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện cho trẻ tại cơ sở GDMN; quản lý được nhóm/lớp theo quy định.

PLO8. Thực hiện được hoạt động nghiên cứu khoa học giáo dục, nghiên cứu sư phạm ứng dụng trong GDMN.

PLO9. Thực hiện được hoạt động tư vấn GDMN và thích ứng với yêu cầu phát triển nghề nghiệp.

** Kỹ năng chung*

th Quê

PLO10. Thực hiện giao tiếp sư phạm mầm non, giải quyết vấn đề, tự học, làm việc nhóm hiệu quả.

PLO11. Ứng dụng được công nghệ thông tin trong tự học, nghiên cứu khoa học, giáo dục, đánh giá và quản lý trẻ em tại cơ sở GDMN.

PLO12. Sử dụng được tiếng Anh tương đương bậc 3/6 trong giao tiếp và hoạt động chuyên môn.

4.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

PLO13. Thực hiện đúng quy định về đạo đức nhà giáo và quy chế dân chủ ở trường mầm non.

PLO14. Thể hiện được năng lực làm việc độc lập và tự học suốt đời; đổi mới, sáng tạo trong giải quyết các vấn đề chuyên môn tại cơ sở GDMN.

PLO15. Thể hiện được quan điểm cá nhân trước vấn đề cần giải quyết; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với tập thể, nhà trường về các nhiệm vụ được giao.

5. Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo

(Kèm theo Quyết định số 1914/QĐ-ĐHSP ngày 18 tháng 7 năm 2024/QĐ-ĐHSP của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm)

Mục tiêu cụ thể của CTĐT		Chuẩn đầu ra của CTĐT														
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15
Kiến thức	PO1	x														
	PO2		x													
	PO3			x	x											
Kỹ năng	Chuyên môn PO4					x	x									
	PO5							x	x	x						
	Chung PO6										x					
	PO7											x	x			
Năng lực tự chủ và trách nhiệm PO8														x	x	x

6. Phương pháp/chiến lược dạy – học và phương pháp kiểm tra đánh giá

6.1. Phương pháp/chiến lược dạy – học

6.1.1. Các phương pháp/chiến lược dạy học

Mỗi học phần trong chương trình được sử dụng nhiều phương pháp dạy học khác nhau như: thuyết trình, seminar, bài tập, thảo luận, thí nghiệm, thực hành, E-learning.

Phương pháp thuyết trình: được sử dụng đối với phần kiến thức lí thuyết; mục đích là giúp SV có hiểu biết sâu sắc về những nội dung lí thuyết của học phần.

Phương pháp bài tập/thực hành: được sử dụng đối với phần nội dung kiến thức bài tập/thực hành; mục đích là vận dụng kiến thức học phần vào việc giải quyết vấn đề thực tiễn chuyên môn để hình thành, phát triển kĩ năng chuyên môn, nghiệp vụ GDMN; hình thành năng lực tự chủ, trách nhiệm, phát triển khả năng tự học của SV.

H. Qu

Phương pháp seminar, thảo luận: được sử dụng đối với phần kiến thức seminar, thảo luận; mục đích là phát triển, mở rộng và khắc sâu kiến thức chuyên môn; rèn luyện kỹ năng sử dụng ngôn ngữ nói và tư duy logic để giải quyết nhiệm vụ học tập; rèn luyện kỹ năng báo cáo, tự nghiên cứu, tương tác và làm việc theo nhóm; năng lực tự chủ và trách nhiệm, nâng cao năng lực học tập suốt đời của SV.

Phương pháp E-learning: được áp dụng đối với một số học phần; mục đích là trao quyền chủ động nhất cho người học về không gian, thời gian và kiến thức; thích ứng quá trình đào tạo tiếp cận hiện đại trong bối cảnh hiện nay.

6.1.2. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

CTĐT được rà soát định kỳ 2 năm một lần để điều chỉnh, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình GDMN và nâng cao chất lượng đào tạo.

Trong từng học kì, các bộ môn xây dựng kế hoạch dự giờ của GV để trao đổi, chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy, nhằm nâng cao năng lực GV và đảm bảo chất lượng đào tạo.

Các học phần của chương trình đều được thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của SV về chất lượng đào tạo, trách nhiệm và phẩm chất, năng lực thực hiện của GV để kịp thời điều chỉnh, khắc phục tồn tại (nếu có).

6.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá

6.2.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các đánh giá trong khóa học.

6.2.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Số tín chỉ của học phần	Số điểm đánh giá quá trình			Tổng số đầu điểm quá trình
	Chuyên cần	Thường xuyên	Định kỳ	
2	1	1	1	3
3-4	1	1	2	4
5	1	1	3	5

- Trọng số điểm

+ Đánh giá quá trình 50% (trong đó kiểm tra định kỳ 20%, 30% trọng số điểm còn lại do Khoa quy định)

+ Thi kết thúc học phần: 50%

II. Mô tả chương trình dạy học (Curriculum)

1. Cấu trúc chương trình dạy học

TT	Khối kiến thức, số tín chỉ	Loại học phần	Số tín chỉ
1.	Kiến thức giáo dục chung, 26 tín chỉ	Bắt buộc	26
2.	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, 35 tín chỉ	Bắt buộc	10
		Tự chọn	25
3.	Kiến thức nghiệp vụ sư phạm, 61 tín chỉ	Bắt buộc	40

Handwritten signature

		Tự chọn	21
4.	Khoá luận, các học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp, 6 tín chỉ	Bắt buộc	6
Tổng số			128

Khối Kiến thức giáo dục chung có 14 học phần, gồm: *Triết học Mác – Lênin; Kinh tế chính trị Mác – Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Pháp luật đại cương; Tiếng Anh 1; Tiếng Anh 2; Tiếng Anh 3; Tin học đại cương; Giáo dục thể chất 1; Giáo dục thể chất 2; Giáo dục thể chất 3; Giáo dục quốc phòng*. Khối kiến thức chung giúp người học có kiến thức nền tảng về khoa học Mác-Lê nin, kiến thức pháp luật, tiếng Anh; Rèn luyện thể lực, ý chí và khả năng biện luận về lý tưởng giai cấp khoa học trong xu thế hội nhập và phát triển.

Khối Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở và kiến thức ngành) có 18 học phần, gồm: *Sinh lý học trẻ em tuổi mầm non; Tâm lý học mầm non; Đàn phím điện tử; Văn hoá các dân tộc Việt Nam; Thống kê xã hội học; Quyền và bổn phận của trẻ mầm non; Đổi mới sáng tạo và giáo dục khởi nghiệp; Giáo dục học mầm non; Phương pháp nghiên cứu khoa học GDMN; Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non; Giao tiếp sư phạm mầm non; Phát triển chương trình GDMN; Dinh dưỡng trẻ em; Tâm bệnh học trẻ em tuổi mầm non; Trắc nghiệm tâm lý trẻ em tuổi mầm non; Đạo đức nghề nghiệp của người giáo viên mầm non; Giáo dục hòa nhập cho trẻ mầm non; Giáo dục trẻ mầm non theo quan điểm tích hợp; Quản lý GDMN*. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp trang bị cho người học kiến thức nền tảng, chuyên sâu hiện đại về chuyên ngành GDMN, làm cơ sở để SV nghiên cứu các học phần nghiệp vụ sư phạm mầm non.

Khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm có 27 học phần, gồm: *Giáo dục thể chất cho trẻ mầm non; Giáo dục khoa học và công nghệ cho trẻ mầm non; Hình thành biểu tượng toán học cho trẻ mầm non; Dạy tiếng Việt cho trẻ ở trường mầm non; Tổ chức cho trẻ làm quen tác phẩm văn học; Âm nhạc và Tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non; Tạo hình và Tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non; Giáo dục tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non; Đánh giá trong GDMN; Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm; Thực tập sư phạm 1; Thực tập sư phạm 2; Chăm sóc vệ sinh cho trẻ mầm non; Dạy múa cho trẻ mầm non; Tổ chức hoạt động vui chơi và ngày lễ, ngày hội cho trẻ mầm non; Tư vấn GDMN; Thiết kế và làm đồ chơi trong giáo dục trẻ mầm non; Giáo dục giới tính cho trẻ mầm non; Tổ chức môi trường giáo dục cho trẻ mầm non; Ứng dụng công nghệ thông tin trong GDMN; Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non; Can thiệp sớm trẻ khuyết tật; Kỹ thuật sử dụng ngôn ngữ trong giáo dục trẻ mầm non; Lựa chọn và sử dụng tác phẩm âm nhạc trong giáo dục trẻ mầm non; Phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non vùng dân tộc thiểu số; Chuẩn bị cho trẻ vào lớp một; Tổ chức cho trẻ mầm non làm quen với tiếng Anh*. Khối Kiến thức nghiệp vụ sư phạm giúp giúp cho người học nhận biết và vận dụng kiến thức

Qua

tâm lý học mầm non, giáo dục học mầm non và phương pháp tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non theo các lĩnh vực giáo dục phát triển vào thiết kế, tổ chức, đánh giá kết quả các hoạt động tổ chức cho trẻ tại trường mầm non; phát triển các năng lực nghiệp vụ sư phạm quan trọng, cần thiết như năng lực nghiên cứu giáo dục, năng lực đánh giá; năng lực phối hợp các lực lượng trong giáo dục trẻ, năng lực tư vấn, tham vấn về GDMN. Qua đó SV được rèn nghề, phát triển các phát triển và năng lực nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra của CTĐT và đáp ứng yêu cầu của xã hội.

Khoá luận, các học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp có 5 học phần, gồm: *Khoá luận tốt nghiệp; Một số mô hình GDMN hiện đại; Quản lý cảm xúc bản thân của người giáo viên mầm non; Chuyên đề GDMN; Thích ứng về nghề của người giáo viên mầm non.* Khối kiến thức này giúp người học có kiến thức mở rộng về một số vấn đề mang tính thời sự, nội dung gắn với đổi mới, phát triển chương trình GDMN hiện hành và sự phát triển GDMN hiện nay.

2. Danh sách các học phần

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC
I. Kiến thức chung			26
<i>Khối kiến thức chung</i>			<i>13</i>
<i>Các học phần bắt buộc</i>			<i>13</i>
1	59SPH131	Triết học Mác – Lênin	3
2	59SPE121	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2
3	59SSO121	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
4	59HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
5	59HPV121	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2
6	59GEL121	Pháp luật đại cương	2
<i>Khối kiến thức chung theo lĩnh vực</i>			<i>13</i>
<i>Các học phần bắt buộc</i>			<i>13</i>
7	59ENG131	Tiếng Anh 1	3
8	59ENG132	Tiếng Anh 2	3
9	59ENG143	Tiếng Anh 3	4
10	59GIF131	Tin học đại cương	3
11	59PHE111	Giáo dục thể chất 1	
12	59PHE112	Giáo dục thể chất 2	
13	59PHE113	Giáo dục thể chất 3	
14	59MIE131	Giáo dục quốc phòng	
II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			35
<i>Khối kiến thức chung của khối ngành</i>			<i>10</i>
<i>Các học phần bắt buộc</i>			<i>7</i>

Aut

15	59CPP231	Sinh lý học trẻ em tuổi mầm non	3
16	59PPE241	Tâm lý học mầm non	4
<i>Các học phần tự chọn</i>			3
17	59EKE231	Đàn phím điện tử	6
18	59CVE231	Văn hoá các dân tộc Việt Nam	3
19	59SSE231	Thống kê xã hội học	3
20	59RRP231	Quyền và bổn phận của trẻ mầm non	3
21	59IEE431	Đổi mới sáng tạo và giáo dục khởi nghiệp	3
Khối kiến thức chung của nhóm ngành			25
<i>Các học phần bắt buộc</i>			16
22	59ECE341	Giáo dục học mầm non	4
23	59MRE331	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non	3
24	59DSP331	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non	3
25	59PPC331	Giao tiếp sư phạm mầm non	3
26	59DPP331	Phát triển chương trình giáo dục mầm non	3
<i>Các học phần tự chọn (chọn 3/7 học phần)</i>			9
27	59CNP331	Dinh dưỡng trẻ em	3
28	59PCP331	Tâm bệnh học trẻ em tuổi mầm non	3
29	59 PTP331	Trắc nghiệm tâm lý trẻ em tuổi mầm non	3
30	59POP331	Đạo đức nghề nghiệp của người giáo viên mầm non	3
31	59IEP331	Giáo dục hòa nhập cho trẻ mầm non	3
32	59EIA331	Giáo dục trẻ mầm non theo quan điểm tích hợp	3
33	59MOP331	Quản lý giáo dục mầm non	3
III. Kiến thức nghiệp vụ sư phạm			61
<i>Các học phần bắt buộc</i>			40
34	59PEP431	Giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	3
35	59STE431	Giáo dục khoa học và công nghệ cho trẻ mầm non	3
36	59FMP441	Hình thành biểu tượng toán học cho trẻ mầm non	4
37	59TVC431	Dạy tiếng Việt cho trẻ ở trường mầm non	3
38	59OLF441	Tổ chức cho trẻ làm quen tác phẩm văn học	4
39	59OMP441	Âm nhạc và Tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non	4
40	59OSP441	Tạo hình và Tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	4
41	59EES431	Giáo dục tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non	3
42	59AEC431	Đánh giá trong giáo dục mầm non	3
43	59TPS441	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	4
44	59PIE421	Thực tập sư phạm 1	2
45	59PIE432	Thực tập sư phạm 2	3
<i>Các học phần tự chọn (chọn 7/15 học phần)</i>			21

46	59HCP431	Chăm sóc vệ sinh cho trẻ mầm non	3
47	59TDP431	Dạy múa cho trẻ mầm non	3
48	59OAF431	Tổ chức hoạt động vui chơi và ngày lễ, ngày hội cho trẻ mầm non	3
49	59CEE431	Tư vấn giáo dục mầm non	3
50	59DUT431	Thiết kế và làm đồ chơi trong giáo dục mầm non	3
51	59GEP431	Giáo dục giới tính cho trẻ mầm non	3
52	59OEP431	Tổ chức môi trường giáo dục cho trẻ mầm non	3
53	59AIE431	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non	3
54	59EEP431	Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non	3
55	59EID431	Can thiệp sớm trẻ khuyết tật	3
56	59TLE431	Kĩ thuật sử dụng ngôn ngữ trong giáo dục trẻ mầm non	3
57	59SUP431	Lựa chọn và sử dụng tác phẩm âm nhạc trong giáo dục trẻ mầm non	3
58	59LPE431	Phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non vùng dân tộc thiểu số	3
59	59PCF431	Chuẩn bị cho trẻ vào lớp một	3
60	59OPE431	Tổ chức cho trẻ mầm non làm quen với tiếng Anh	3
IV. Khoá luận tốt nghiệp/Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			6
Khoá luận tốt nghiệp			6
61	59GTG901	Khoá luận tốt nghiệp	6
Các học phần thay thế khóa luận (chọn 2/4 học phần)			6
62	59MEE931	Một số mô hình giáo dục mầm non hiện đại	3
63	59MEP931	Quản lý cảm xúc bản thân của người giáo viên mầm non	3
64	59STE931	Chuyên đề giáo dục mầm non	3
65	59APP931	Thích ứng nghề của người giáo viên mầm non	3
Tổng cộng			128

3. Trình tự nội dung chương trình dạy học

Năm thứ nhất

Học kì 1			Học kì 2		
Học phần	Mã học phần	Số TC	Học phần	Mã học phần	Số TC
Bắt buộc			Bắt buộc		
Triết học Mác – Lênin	59SPH131	3	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	59SPE121	3
Tiếng Anh 1	59ENG131	3	Tiếng Anh 2	59ENG132	3
Tin học đại cương	59GIF131	3	Tâm lý học mầm non	59PPE241	4
Sinh lý học trẻ em tuổi mầm non	59CPP231	3	Giáo dục học mầm non	59ECE341	4

Handwritten signature/initials

Giáo dục thể chất 1	59PHE111		Giáo dục thể chất 2	59PHE112	
Tự chọn (chọn 1/4 học phần)			Tự chọn (chọn 1/1 học phần)		
Văn hoá các dân tộc Việt Nam	59CVE231	3	Dinh dưỡng trẻ em	59CNP331	3
Thống kê xã hội học	59SSE231	3			
Quyền và bổn phận của trẻ mầm non	59RRP231	3			
Đổi mới sáng tạo và giáo dục khởi nghiệp	59IEE431	3			
Tổng số TC		15	Tổng số TC		17



Năm thứ hai

Học kì 3			Học kì 4		
Học phần	Mã học phần	Số TC	Học phần	Mã học phần	Số TC
Bắt buộc			Bắt buộc		
Chủ nghĩa xã hội khoa học	59SSO121	2	Pháp luật đại cương	59GEL121	2
Tiếng Anh 3	59ENG143	4	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non	59MRE331	3
Giao tiếp sư phạm mầm non	59PPC331	3	Phát triển chương trình giáo dục mầm non	59DPP331	3
Tạo hình và Tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	59OSP441	4	Âm nhạc và Tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non	59OMP441	4
Giáo dục thể chất 3	59PHE113		Tư tưởng Hồ Chí Minh	59HCM121	2
Giáo dục quốc phòng	59MIE131		Giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	59PEP431	3
Tự chọn (chọn 1 trong 4)			Tự chọn (chọn 2 trong 3)		
Tâm bệnh học trẻ em tuổi mầm non	59PCP331	3	Chăm sóc vệ sinh cho trẻ mầm non	59HCP431	3
Trắc nghiệm tâm lý trẻ em tuổi mầm non	59 PTP331	3	Tổ chức môi trường giáo dục cho trẻ mầm non	59OEP431	3

Qua

Đạo đức nghề nghiệp của người giáo viên mầm non	59POP331	3	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non	59AIE431	3
Giáo dục trẻ mầm non theo quan điểm tích hợp	59EIA331	3			
Tổng số TC		15	Tổng số TC		22



Năm thứ ba

Học kì 5			Học kì 6		
Học phần	Mã học phần	Số TC	Học phần	Mã học phần	Số TC
Bắt buộc			Bắt buộc		
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	59HPV121	2	Hình thành biểu tượng toán học cho trẻ mầm non	59FMP441	4
Giáo dục khoa học và công nghệ cho trẻ mầm non	59STE431	3	Dạy tiếng Việt cho trẻ ở trường mầm non	59TVC431	3
Tổ chức cho trẻ làm quen tác phẩm văn học	59OLF441	4	Giáo dục tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non	59EES431	3
Đánh giá trong giáo dục mầm non	59AEC431	3			
Thực tập sư phạm 1	59PIE421	2			
Tự chọn (chọn 1/1 học phần)			Tự chọn (chọn 2/4 học phần)		
Dạy múa cho trẻ mầm non	59TDP431	3	Đàn phím điện tử	59EKE231	3
			Tổ chức hoạt động vui chơi và ngày lễ, ngày hội cho trẻ mầm non	59OAF431	3
			Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non	59EEP431	3
			Can thiệp sớm trẻ khuyết tật	59EID431	3
Tổng số TC		17	Tổng số TC		16



Năm thứ tư

Học kì 7	Học kì 8
----------	----------

Aut

Học phần	Mã học phần	Số TC	Học phần	Mã học phần	Số TC
Bắt buộc			Bắt buộc		
Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non	59DSP331	3	Khoá luận tốt nghiệp	59GTG901	6
Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	59TPS441	4	Thực tập sư phạm 2	59PIE432	3
Tự chọn (chọn 3/10 học phần)			Thay thế khoá luận (chọn 2/4 học phần)		
Giáo dục hòa nhập cho trẻ mầm non	59IEP331	3			
Quản lý giáo dục mầm non	59MOP331	3			
Tư vấn giáo dục mầm non	59CEE431	3	Một số mô hình giáo dục mầm non hiện đại	59MEE931	3
Thiết kế và làm đồ chơi trong giáo dục mầm non	59DUT431	3	Quản lý cảm xúc bản thân của người giáo viên mầm non	59MEP931	3
Giáo dục giới tính cho trẻ mầm non	59GEP431	3	Chuyên đề giáo dục mầm non	59STE931	3
Kỹ thuật sử dụng ngôn ngữ trong giáo dục trẻ mầm non	59TLE431	3	Thích ứng nghề của người giáo viên mầm non	59APP931	3
Lựa chọn và sử dụng tác phẩm âm nhạc trong giáo dục trẻ mầm non	59SUP431	3			
Phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non vùng dân tộc thiểu số	59LPE431	3			
Chuẩn bị cho trẻ vào lớp một	59PCF431	3			
Tổ chức cho trẻ mầm non làm quen với tiếng Anh	59OPE431	3			
Tổng số TC		16	Tổng số TC		9

4. Ma trận đóng góp của các khối kiến thức vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra

(0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp mức thấp; 2 = Đóng góp mức trung bình; 3 = Đóng góp mức cao)

st Ace

Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra của CTĐT														
	Kiến thức chung	Kiến thức chuyên môn			Kĩ năng chuyên môn					Kĩ năng chung			Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
	PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL010	PL011	PL012	PL013	PL014	PL015
Chung	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
Chuyên môn	1	1	3	2	2	3	2	2	2	2	1	1	1	1	2
NVSP	1	1	3	3	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1	2
Khoá luận/thay thế KLTN	1	1	3	2	1	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2

Handwritten signature

CV
UỒN
I F
P
TH

5. Ma trận mức độ đóng góp của học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
 (Kèm theo Quyết định số 2353 /QĐ-ĐHSP ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm)

Tên học phần	Mã học phần	Kiến thức				Kĩ năng								Năng lực tự chủ, trách nhiệm		
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15
1. Kiến thức giáo dục chung																
Triết học Mác – Lênin	59SPH131	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	1
Kinh tế chính trị Mác – Lênin	59SPE121	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1
Chủ nghĩa xã hội khoa học	59SSO121	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0
Tư tưởng Hồ Chí Minh	59HCM121	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	59HPV121	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0
Pháp luật đại cương	59GEL121	3	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0
Tiếng Anh 1	59ENG131	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0	1	0
Tiếng Anh 2	59ENG132	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0	1	0
Tiếng Anh 3	59ENG143	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0	1	0
Tin học đại cương	59GIF131	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	1	0	0	0
Giáo dục thể chất 1	59PHE111	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	1	3	0
Giáo dục thể chất 2	59PHE112	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	1	3	0
Giáo dục thể chất 3	59PHE113	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	1	3	0
Giáo dục quốc phòng	59MIE131										1			1	1	1

Chữ ký

2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp																
2.1. Kiến thức cơ sở																
Sinh lý học trẻ em tuổi mầm non	59CPP231	0	0	3	2	1	1	0	1	0	1	0	0	1	1	1
Tâm lý học mầm non	59PPE241	0	0	3	3	1	1	0	2	1	0	1	0	1	1	1
Đàn phím điện tử	59EKE231	1	3	2	3	0	0	2	3	3	1	1	0	0	3	1
Văn hoá các dân tộc Việt Nam	59CVE231	0	3	0	0	0	0	1	0	0	1	1	0	1	1	1
Thống kê xã hội học	59SSE231	0	0	2	0	0	0	0	2	0	0	2	0	1	1	1
Quyền và bổn phận của trẻ mầm non	59RRP231	0	3	0	0	0	0	1	0	0	1	1	0	1	1	1
Đổi mới sáng tạo và giáo dục khởi nghiệp	59IEE431	0	0	3	0	0	0	0	0	1	1	0	0	0	1	1
2.2. Kiến thức ngành																
Giáo dục học mầm non	59ECE341	0	1	3	1	1	1	1	0	0	1	1	1	1	1	1
Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non	59MRE331	0	0	2	0	0	0	0	3	0	1	3	0	1	1	1
Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non	59DSP331	0	0	3	2	1	1	0	1	0	3	0	1	0	1	1
Giao tiếp sư phạm mầm non	59PPC331	0	0	2	2	3	3	3	0	3	3	0	0	1	2	2
Phát triển chương trình giáo dục mầm non	59DPP331	0	0	2	1	1	1	0	0	0	1	1	0	1	1	1
Dinh dưỡng trẻ em	59CNP331	0	2	0	0	2	2	0	0	0	2	1	0	1	1	1
Tâm bệnh học trẻ em tuổi mầm non	59PCP331	0	0	3	3	0	0	0	2	1	3	0	2	1	1	1
Trắc nghiệm tâm lý trẻ em tuổi mầm non	59 PTP331	0	0	2	2	3	0	0	3	0	3	0	3	1	2	2
Đạo đức nghề nghiệp của người giáo viên mầm non	59POP331	1	3	0	0	0	0	2	0	0	1	1	0	1	1	1
Giáo dục hòa nhập cho trẻ mầm non	59IEP331	0	0	3	2	1	1	0	1	1	0	0	0	1	0	1
Giáo dục trẻ mầm non theo quan điểm tích hợp	59EIA331	0	0	2	2	1	1	0	2	1	1	0	0	1	0	1
Quản lý giáo dục mầm non	59MOP331	0	0	2	2	3	3	3	0	3	3	0	0	1	2	2
3. Kiến thức nghiệp vụ sư phạm																
Giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	59PEP431	0	0	2	3	3	2	1	0	0	2	1	0	1	1	1

et Aue

Giáo dục khoa học và công nghệ cho trẻ mầm non	59STE431	0	0	3	2	1	1	0	1	1	0	0	0	1	0	1
Hình thành biểu tượng toán học cho trẻ mầm non	59FMP441	0	0	3	2	1	1	0	2	1	0	0	0	1	1	1
Dạy tiếng Việt cho trẻ ở trường mầm non	59TVC431	0	1	2	1	0	2	1	0	0	1	1	0	1	1	1
Tổ chức cho trẻ làm quen tác phẩm văn học	59OLF441	0	0	3	1	1	1	0	1	1	0	0	0	1	0	1
Âm nhạc và Tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non	59OMP441	0	1	3	2	2	0	1	2	1	2	3	2	3	0	3
Tạo hình và Tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	59OSP441	0	1	3	2	0	0	2	2	0	0	1	1	2	1	1
Giáo dục tình cảm, kĩ năng xã hội cho trẻ mầm non	59EES431	0	0	3	3	0	1	1	2	1	1	0	0	3	3	0
Đánh giá trong giáo dục mầm non	59AEC431	0	0	2	1	1	2	0	0	0	1	1	0	1	1	1
Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	59TPS441	0	0	2	2	1	1	0	2	1	1	0	0	1	0	1
Thực tập sư phạm 1	59PIE421	0	2	1	1	1	1	0	1	1	1	0	1	1	1	1
Thực tập sư phạm 2	59PIE432	0	1	2	2	1	1	0	1	1	0	1	1	1	2	1
Chăm sóc vệ sinh cho trẻ mầm non	59HCP431	0	3	3	0	2	2	0	0	0	1	1	0	1	1	1
Dạy múa cho trẻ mầm non	59TDP431	0	3	3	0	0	0	0	0	0	0	2	2	2	1	1
Tổ chức hoạt động vui chơi và ngày lễ, ngày hội cho trẻ mầm non	59OAF431	0	0	2	1	0	2	1	1	0	1	1	0	1	1	1
Tư vấn giáo dục mầm non	59CEE431	0	0	2	2	3	0	0	0	0	3	0	3	2	2	2
Thiết kế và làm đồ chơi trong giáo dục mầm non	59DUT431	0	1	2	1	3	1	0	0	0	2	0	2	2	2	2
Giáo dục giới tính cho trẻ mầm non	59GEP431	0	0	2	1	1	1	0	1	1	0	0	0	1	1	1
Tổ chức môi trường giáo dục cho trẻ mầm non	59OEP431	0	0	3	3	0	2	2	0	0	1	1	0	1	1	1
Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non	59AIE431	0	0	3	2	1	2	1	1	0	0	0	0	0	1	1
Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non	59EEP431	0	0	3	2	2	2	0	0	0	1	1	0	1	1	1
Can thiệp sớm trẻ khuyết tật	59EID431	0	0	2	2	3	3	3	0	3	3	0	0	1	2	2
Kĩ thuật sử dụng ngôn ngữ trong giáo dục trẻ mầm non	59TLE431	0	3	0	0	0	0	1	0	0	1	1	0	1	1	1
Lựa chọn và sử dụng tác phẩm âm nhạc trong giáo dục trẻ mầm non	59SUP431	1	2	1	2	2	2	1	1	1	2	2	1	1	2	1

at Am

Phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non vùng dân tộc thiểu số	59LPE431	0	0	2	1	0	2	0	0	0	1	1	0	1	1	1
Chuẩn bị cho trẻ vào lớp một	59PCF431	0	3	0	0	0	0	1	0	0	1	1	0	1	1	1
Tổ chức cho trẻ mầm non làm quen với tiếng Anh	59OPE431	0	0	2	0	0	2	0	0	0	0	0	0	2	2	2
4. Khoá luận tốt nghiệp																
Khoá luận tốt nghiệp	59GTG901						2				2	2	1	1	2	2
Một số mô hình giáo dục mầm non hiện đại	59MEE931	0	0	3	3	1	0	0	1	1	0	0	0	0	1	1
Quản lý cảm xúc bản thân của người giáo viên mầm non	59MEP931	0	1	3	0	0	0	0	0	1	1	1	0	1	1	1
Chuyên đề giáo dục mầm non	59STE931	1	1	2	3	1	2	0	2	1	0	0	1	0	1	1
Thích ứng nghề của người giáo viên mầm non	59APP931	0	0	3	0	0	2	0	0	2	2	1	0	1	1	1

Ghi chú: Mức độ đóng góp được mã hóa như sau: 1 = Đóng góp mức thấp; 2 = Đóng góp mức trung bình; 3 = Đóng góp mức cao; Để trống = Đóng góp không rõ ràng.

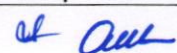
Qua st

6. Mô tả tóm tắt các học phần

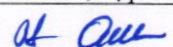
TT	Mã số	Học phần	Số TC	Tóm tắt HP
I	Kiến thức giáo dục chung		26	
Các học phần bắt buộc			26	
1	59SPH131	Triết học Mác – Lênin	3	Học phần cung cấp các kiến thức khái quát về triết học, triết học Mác - Lênin (chương 1); những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật, như: vật chất, ý thức, mối quan hệ giữa vật chất và ý thức; các nguyên lý, quy luật, phạm trù của phép biện chứng duy vật; vấn đề lý luận nhận thức (chương 2). Ngoài ra, học phần còn cung cấp các kiến thức cơ bản về chủ nghĩa duy vật lịch sử như: học thuyết Hình thái kinh tế - xã hội; vấn đề giai cấp; vấn đề nhà nước và cách mạng xã hội; vấn đề tồn tại xã hội và ý thức xã hội; vấn đề con người trong triết học Mác - Lênin (chương 3).
2	59SPE121	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	Học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, cung cấp kiến thức cơ sở, nền tảng tư tưởng cho người học là lý luận kinh tế chính trị của CácMác, Ph.Ăngghen và Lênin về sản xuất hàng hoá và thị trường; về nguồn gốc, bản chất và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư; về cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Đồng thời, học phần còn định hướng người học tiếp cận các vấn đề lý luận và thực tiễn về kinh tế chính trị trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam.
3	59SSO121	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Học phần chủ nghĩa xã hội khoa học làm rõ những quy luật và tính quy luật về chính trị - xã hội của quá trình hình thành, phát triển của hình thái kinh tế- xã hội cộng sản chủ nghĩa; những nguyên tắc cơ bản, những điều kiện, con đường, hình thức và phương pháp để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Học phần chủ nghĩa xã hội khoa học tập trung luận giải nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, xã hội xã hội chủ nghĩa, nền dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa, về vấn đề liên minh giai cấp, vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.
4	59HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc thuộc phần kiến thức giáo dục đại cương, nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng thời, tập trung luận giải nội

Handwritten signature

				dung những chuyên đề cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; tư tưởng về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; tư tưởng về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; tư tưởng về văn hoá, đạo đức và con người.
5	59HPV121	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam nghiên cứu về quá trình hình thành, phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam cũng như quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến 2018, cụ thể: Từ 1930 đến 1945, nghiên cứu về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền; từ 1945 đến 2018, nghiên cứu về quá trình Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới. Trên cơ sở đó, học phần khái quát các bài học lớn của cách mạng Việt Nam từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời tới nay..
6	59GEL121	Pháp luật đại cương	2	Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc thuộc phần kiến thức giáo dục đại cương của tất cả các chương trình đào tạo. Học phần cung cấp những kiến thức lý luận về nhà nước và pháp luật, nội dung cơ bản của một số ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam như: Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Hình sự, Luật Dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình.
7	59ENG131	Tiếng Anh 1	3	Môn Tiếng Anh 1 là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chung của chương trình đào tạo cử nhân sư phạm. Học phần Tiếng Anh 1 cung cấp cho sinh viên những vốn ngữ pháp cơ bản như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, các cấu trúc so sánh, động từ khuyết thiếu và vốn từ vựng cơ bản về các chủ đề như sức khỏe, thể thao, giao thông và thử thách để phát triển được kỹ năng ngôn ngữ Bậc 2 ở mức cao. Đồng thời, học phần này cũng rèn luyện cho người học các kỹ năng sử dụng tiếng Anh để bày tỏ ý kiến, quan điểm và giải thích trong các tình huống giao tiếp; viết được các câu đúng ngữ pháp, các ghi chú ngắn, tin nhắn ngắn gọn giản theo các chủ đề quen thuộc hàng ngày. Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành trên phần mềm tự học Spark và lớp học ảo sinh viên có thể củng cố được vốn kiến



				thức của mình đồng thời phát triển kỹ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.
8	59ENG132	Tiếng Anh 2	3	Môn Tiếng Anh 2 là học phần kế tiếp của Tiếng Anh 1, là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chung của chương trình đào tạo cử nhân sư phạm. Môn Tiếng Anh 2 trang bị cho người học vốn từ vựng về các chủ đề môi trường, các sự kiện trong cuộc sống, nghề nghiệp, và khoa học - công nghệ. Bên cạnh đó, người học được củng cố các hiện tượng ngữ pháp cơ bản như danh từ đếm và không đếm được, quán từ số lượng, mạo từ, động từ có "to", các dạng tương lai, giới từ, thì hiện tại hoàn thành, mệnh đề quan hệ xác định, câu điều kiện loại 1 và loại 0. Kiến thức trong học phần không chỉ mang tính học thuật mà còn bao gồm những thông tin và hiểu biết thực tế về các địa danh, con người và sự kiện ở một số quốc gia trên thế giới. Học phần này tiếp tục rèn luyện cho người học các kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh ở cấp độ Bậc 3 thấp gồm nghe, nói, đọc và viết, đặt trong 4 chủ đề chính như đã nêu ở trên. Kết thúc học phần này, trong phạm vi các chủ đề đã học, người học có khả năng nói chuyện, nghe lấy ý chính và lấy thông tin, đọc hiểu ý chính và đọc lấy thông tin, viết thư thân mật. Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành trên phần mềm tự học MyELT và lớp học ảo sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kỹ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.
9	59ENG143	Tiếng Anh 3	4	Môn Tiếng Anh 3 là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chung của chương trình đào tạo cử nhân sư phạm. Học phần tiếng Anh 3 tiếp tục bổ sung cho sinh viên lượng từ vựng về các chủ đề Kỳ nghỉ; Sản phẩm; Lịch sử và Tự nhiên cùng với các chủ điểm ngữ pháp về câu bị động ở hiện tại và quá khứ; quá khứ hoàn thành, câu hỏi cho chủ ngữ và tân ngữ, tính từ đuôi -ing và đuôi -ed; cấu trúc used to, câu gián tiếp; câu điều kiện loại 2, các đại từ bất định. Ngoài ra, ở học phần này, sinh viên tiếp tục được rèn luyện các kỹ năng giao tiếp trong tiếng Anh như: nghe hiểu được các cuộc hội thoại, các cuộc phỏng vấn và các bài viết; đọc hiểu các bài báo về các chủ đề được học; trình bày quan điểm cá nhân, lập kế



				hoạch hay phỏng vấn và rèn luyện kỹ năng viết đoạn văn đơn giản. Cùng với các học phần tiếng Anh 1, 2, học phần tiếng Anh 3 tiếp tục phát triển kỹ năng sử dụng tiếng Anh cho sinh viên ở trình độ tiếng Anh bậc 3 ở mức trung bình theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và sử dụng được trong hoạt động giao tiếp.
10	59GIF131	Tin học đại cương	3	Học phần Tin học đại cương cung cấp các kiến thức cơ bản về: Cấu trúc chung của máy tính; xử lý lỗi cơ bản của máy tính; hệ điều hành; Định dạng văn bản, chèn đối tượng vào văn bản, bảng biểu, công cụ trợ giúp soạn thảo trong Microsoft Word; Định dạng và xử lý dữ liệu, công thức, các hàm cơ bản, biểu đồ trong Microsoft Excel; Thao tác với slide; định dạng, thiết lập hiệu ứng cho đối tượng và slide; tạo siêu liên kết trong Microsoft PowerPoint; Mạng máy tính và an toàn thông tin; một số ứng dụng cơ bản trên mạng Internet.
11	59PHE111	Giáo dục thể chất 1		Học phần này trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về sơ lược nguồn gốc và lịch sử phát triển của môn Bơi; Ý nghĩa, tác dụng của môn Bơi đối với việc tăng cường và rèn luyện sức khỏe cho con người. Hiểu biết về đặc tính của môi trường nước liên quan tới người bơi như: Nguyên lý thủy tĩnh lực học, nguyên lý thủy động lực học, những lực cản tác động đến cơ thể người bơi; Học các giai đoạn của một kỹ thuật Bơi thể thao (Bơi ếch): Cách làm nổi người, lướt nước, học kỹ thuật động tác chân, kỹ thuật động tác tay, phối hợp chân với tay, động tác thở, phối hợp động tác tay với thở; phối hợp tay- chân- thở hoàn thiện toàn bộ kỹ thuật kiểu Bơi ếch thể thao. và hoàn thiện toàn bộ kỹ thuật kiểu Bơi ếch thể thao.
12	59PHE112	Giáo dục thể chất 2		Học phần Giáo dục thể chất II (Tự chọn) dành cho sinh viên không chuyên ngành GDTC Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về nguồn gốc, lịch sử, đặc điểm, lợi ích, tác dụng của môn thể thao; thực hiện được các kỹ - chiến thuật cơ bản của môn thể thao; phương pháp tập luyện và thi đấu; xác định được nguyên nhân và cách phòng ngừa các chấn thương thường gặp trong quá trình tập luyện và thi đấu. Hình thành những kỹ năng, kỹ xảo về kỹ thuật cơ bản môn thể thao, giúp sinh viên nâng cao sức khỏe, góp phần rèn

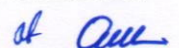


Handwritten signature in blue ink.

				luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong nhanh nhẹn, tinh thần tập thể, có sức khỏe thực hiện các yêu cầu trong thực tiễn công việc và cuộc sống.
13	59PHE113	Giáo dục thể chất 3		Học phần Giáo dục thể chất 3 (Tự chọn 1 trong 4 môn: Bóng chuyền, Bóng đá, Cầu Long, Khiêu vũ thể thao) dành cho sinh viên không chuyên ngành GDTC Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về nguồn gốc, lịch sử, đặc điểm, lợi ích, tác dụng của môn thể thao; thực hiện được các kỹ - chiến thuật cơ bản của môn thể thao; phương pháp tập luyện và thi đấu; xác định được nguyên nhân và cách phòng ngừa các chấn thương thường gặp trong quá trình tập luyện và thi đấu. Hình thành những kỹ năng, kỹ xảo về kỹ thuật cơ bản môn thể thao, giúp sinh viên nâng cao sức khỏe, góp phần rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong nhanh nhẹn, tinh thần tập thể, có sức khỏe thực hiện các yêu cầu trong thực tiễn công việc và cuộc sống.
14	59MIE131	Giáo dục quốc phòng		(Theo chương trình riêng)
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			35	
Kiến thức cơ sở			10	
Các học phần bắt buộc			7	
15	59CPP231	Sinh lý học trẻ em tuổi mầm non	3	Học phần “Sinh lý học trẻ em (tuổi mầm non)” thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, cung cấp cho sinh viên những kiến thức khoa học cơ bản về đặc điểm cấu tạo và chức năng sinh lý của các cơ quan, các hệ cơ quan trong cơ thể trẻ em; các quá trình sinh lý, quá trình trao đổi chất, quá trình sinh trưởng và phát triển của cơ thể trẻ mầm non... Từ đó, học phần giúp sinh viên sử dụng được kiến thức trong hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non.
16	59PPE241	Tâm lý học mầm non	4	Học phần “Tâm lý học mầm non” là học phần bắt buộc trong khối kiến thức cơ sở, cung cấp cho sinh viên những kiến thức toàn diện về trẻ em, tâm lý học trẻ em, quá trình hình thành, phát triển tâm lý trẻ em trong các giai đoạn, thời kỳ lứa tuổi; sự phát triển tâm - vận động ở trẻ em và sự phát triển tâm lý của trẻ từ 0 đến 6 tuổi. Trên cơ sở đó, hình thành cho người học những kỹ năng cần thiết trong quá trình quan sát, phân tích diễn biến tâm lý, chăm sóc trẻ, tổ

at Quu

				chức các hoạt động phù hợp với từng lứa tuổi mầm non.
Các học phần tự chọn			3	
17	59EKE231	Đàn phím điện tử	3	Học phần hướng dẫn sinh viên có được những phương pháp đọc một bản nhạc. Mặt khác, giúp sinh viên hát chuẩn về cao độ, tiết tấu, lời ca và thể hiện diễn cảm các bài hát tiêu biểu trong trường trình giành cho sinh viên khoa Giáo dục mầm non. Giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đàn phím điện tử, cách thức và thao tác sử dụng, làm chủ các chức năng của đàn phím điện tử. Hướng dẫn sinh viên cách chạy ngón ở một số gam cơ bản. Qua đó, hướng dẫn cho sinh viên đàn và đệm những bài hát thiếu nhi đơn giản phù hợp với ngành đào tạo và đáp ứng được nhu cầu thực tiễn đời sống cũng như nhu cầu cấp thiết của việc đổi mới giáo dục toàn diện.
18	59CVE231	Văn hoá các dân tộc Việt Nam	3	Học phần “Văn hoá các dân tộc Việt Nam” là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đặc điểm văn hoá các dân tộc, cấu trúc của văn hoá, tầm quan trọng của việc bảo tồn, phát triển văn hoá dân tộc và nội dung giáo dục giá trị văn hoá các dân tộc cho trẻ ở trường mầm non. Trên cơ sở đó, người học vận dụng để thực hiện các nhiệm vụ trong hoạt động chuyên môn của giáo viên mầm non.
19	59SSE231	Thống kê xã hội học	3	Học phần “Thống kê xã hội học” là học phần tự chọn trong khối kiến thức cơ sở, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về xác suất và thống kê. Trên cơ sở đó, người học hình thành các kỹ năng cơ bản về thu thập thông tin và xử lý số liệu trong điều tra để phục vụ nghiên cứu khoa học và thực hiện các nhiệm vụ trong hoạt động chuyên môn của giáo viên mầm non.
20	59RRP231	Quyền và bổn phận của trẻ mầm non	3	Học phần “Quyền và Bổn phận của trẻ mầm non” là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về trẻ em, quyền và bổn phận trẻ em, các quyền và bổn phận của trẻ em được quy định trong các văn bản pháp lý quốc tế và Việt Nam, đặc trưng quyền trẻ em nói chung và trẻ mầm non nói riêng. Học phần giúp các em sinh viên chuyên ngành giáo dục mầm non phân tích được các lĩnh vực và cách thức tiếp cận quyền trẻ em trong giáo dục mầm non, cũng như sử

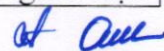


				dụng được các nguyên tắc, tiêu chuẩn nhân quyền để làm việc với trẻ em và vì trẻ em. Đồng thời các em sinh viên có thái độ tôn trọng và sẵn sàng bảo vệ trẻ em khi quyền trẻ em bị xâm phạm. Trên cơ sở đó, người học vận dụng để thực hiện các nhiệm vụ trong hoạt động chuyên môn của giáo viên mầm non.
21	59IEE431	Đổi mới sáng tạo và giáo dục khởi nghiệp	3	Học phần Đổi mới sáng tạo và giáo dục khởi nghiệp là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm của các chương trình đào tạo cử nhân của trường Đại học Sư phạm. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức lý luận cơ bản về đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, giúp người học phát triển các kỹ năng để thực hiện đổi mới sáng tạo và giáo dục khởi nghiệp cho học sinh ở các trường phổ thông.
Kiến thức ngành			25	
Các học phần bắt buộc			16	
22	59ECE341	Giáo dục học mầm non	4	Giáo dục học mầm non là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình cử nhân sư phạm Giáo dục Mầm non. Trên cơ sở cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng, khoa học về giáo dục học mầm non, những vấn đề chung về công tác chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non, học phần giúp sinh viên hình thành kỹ năng lập kế hoạch giáo dục; tổ chức, đánh giá kết quả hoạt động giáo dục, giao tiếp và xử lý tình huống sư phạm. Kết quả nghiên cứu học phần giúp sinh viên hoàn thiện năng lực sư phạm, đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.
23	59MRE331	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non	3	Học phần “Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành. Nội dung của học phần trình bày những kiến thức cơ bản về đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp luận, quan điểm tiếp cận, phương pháp nghiên cứu khoa học; các bước thực hiện công trình nghiên cứu khoa học giáo dục từ đó hình thành cho người học những kỹ năng cơ bản trong nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non.
24	59DSP331	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non	3	Học phần “Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành, cung cấp cho sinh viên kiến thức toàn diện, chuyên sâu về bệnh, phòng bệnh thường gặp ở trẻ em; vấn đề sử dụng thuốc, các kỹ thuật sơ cứu, phòng tránh và xử trí một số tai nạn thương tích thường gặp ở trẻ mầm non, giúp

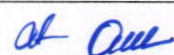


Handwritten signature in blue ink.

				sinh viên hoàn thiện kiến thức và năng lực sư phạm, đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.
25	59PPC331	Giao tiếp sư phạm mầm non	3	Học phần “Giao tiếp sư phạm mầm non” là học phần bắt buộc trong khối kiến thức ngành, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về giao tiếp, giao tiếp sư phạm và giao tiếp sư phạm mầm non. Trên cơ sở đó, người học hình thành và vận dụng các nguyên tắc, phong cách và kỹ năng giao tiếp sư phạm mầm non để thực hiện các nhiệm vụ trong hoạt động chuyên môn của giáo viên mầm non.
26	59DPP331	Phát triển chương trình giáo dục mầm non	3	Học phần “Phát triển chương trình giáo dục mầm non” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng về chương trình và phát triển chương trình giáo dục mầm non, trên cơ sở đó phát triển kỹ năng thiết kế, tổ chức và đánh giá kết quả thực hiện chương trình giáo dục trẻ theo độ tuổi, tháng, chủ đề, tuần, hoạt động; kỹ năng phân tích, đánh giá và phát triển môi trường giáo dục nhà trường; môi trường giáo dục trẻ theo nhóm/lớp ở trường mầm non.
Các học phần tự chọn			9	
27	59CNP331	Dinh dưỡng trẻ em	3	Học phần “Dinh dưỡng trẻ em” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành, nhằm cung cấp cho người học nội dung cơ bản về nhu cầu và nguyên tắc dinh dưỡng của trẻ em, cách xây dựng khẩu phần ăn và thực đơn, tổ chức dinh dưỡng, điều tra dinh dưỡng và giáo dục dinh dưỡng cho trẻ ở trường mầm non. Trên cơ sở đó, người học biết cách ứng dụng trong công tác chăm sóc - giáo dục trẻ ở trường mầm non.
28	59PCP331	Tâm bệnh học trẻ em tuổi mầm non	3	Là học phần tự chọn trong khối kiến thức ngành. Nội dung của học phần giới thiệu những kiến thức về khái niệm tâm bệnh học trẻ em; lịch sử hình thành và phát triển của tâm bệnh học trẻ em; trẻ bình thường và trẻ bệnh lý; những lý thuyết cơ bản về tâm bệnh học trẻ em, phương pháp đánh giá tâm bệnh học trẻ em; vấn đề rối loạn, triệu chứng và chức năng; các hội chứng về tâm lý trẻ; cách phòng ngừa, chữa trị rối loạn tâm lý cho trẻ, cách xử lý rối nhiễu tâm lý cho trẻ tuổi mầm non.
29	59 PTP331	Trắc nghiệm tâm lý trẻ em tuổi mầm non	3	Là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về trắc nghiệm tâm lý, trắc nghiệm tâm lý tuổi mầm non. Trên cơ sở đó, người học



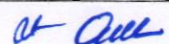
				hình thành và vận dụng các nguyên tắc, kỹ thuật trắc nghiệm tâm lý tuổi mầm non để nghiên cứu các hiện tượng tâm lý của trẻ mầm non.
30	59POP331	Đạo đức nghề nghiệp của người giáo viên mầm non	3	Học phần “Đạo đức nghề nghiệp của người giáo viên mầm non” là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành. Học phần cung cấp cho sinh viên cho kiến thức cơ bản về đạo đức, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức nghề nghiệp của người giáo viên mầm non và những quy định của pháp luật về đạo đức nghề nghiệp của người giáo viên mầm non. Trên cơ sở đó, người học vận dụng để thực hiện các nhiệm vụ trong hoạt động chuyên môn của giáo viên mầm non.
31	59IEP331	Giáo dục hòa nhập cho trẻ mầm non	3	Học phần “Giáo dục hòa nhập cho trẻ mầm non” là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần cung cấp cho sinh viên những vấn đề chung về giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật; Trên cơ sở đó giúp sinh viên thiết kế và tổ chức bài học hòa nhập có hiệu quả, sử dụng hiệu quả biện pháp hỗ trợ các nhóm trẻ khuyết tật trong trường mầm non.
32	59EIA331	Giáo dục trẻ mầm non theo quan điểm tích hợp	3	Học phần “Giáo dục trẻ mầm non theo quan điểm tích hợp” là học phần thuộc khối kiến thức ngành. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cần thiết để tổ chức tốt các hoạt động giáo dục trẻ mầm non theo quan điểm tích hợp; Hình thành kỹ năng thiết kế, lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ mầm non theo quan điểm tích hợp. Trên cơ sở đó, giúp sinh viên hình thành kỹ năng xây dựng môi trường hoạt động đảm bảo tính an toàn, phát triển nhằm kích thích hứng thú, trí tưởng tượng và sự sáng tạo của trẻ.
33	59MOP331	Quản lý giáo dục mầm non	3	Học phần “Quản lý Giáo dục mầm non” thuộc khối kiến thức thay thế khóa luận tốt nghiệp. Trên cơ sở cung cấp kiến thức nền tảng, khoa học về quản lý Giáo dục mầm non, học phần giúp sinh viên hình thành một số kỹ năng quản lý nhóm/lớp, quản lý trường mầm non theo tiếp cận quản lý sự thay đổi. Kết quả nghiên cứu học phần giúp sinh viên hoàn thiện năng lực sư phạm, đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.
III Kiến thức NVSP			61	
Các học phần bắt buộc			40	



34	59PEP431	Giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	3	Giáo dục thể chất cho trẻ mầm non là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức nghiệp vụ trong chương trình đào tạo Cử nhân Sư phạm Mầm non. Học phần này bao gồm các nội dung quan trọng sau: Những vấn đề chung về giáo dục thể chất; Phương tiện giáo dục thể chất cho trẻ mầm non; Cơ sở lý luận về phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non; Nội dung và hình thức giáo dục thể chất cho trẻ mầm non
35	59STE431	Giáo dục khoa học và công nghệ cho trẻ mầm non	3	“Giáo dục khoa học và công nghệ cho trẻ mầm non” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm trong chương trình đào tạo giáo viên mầm non. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên sâu về tổ chức hoạt động giáo dục khoa học và công nghệ cho trẻ ở trường mầm non. Trên cơ sở đó, hình thành cho sinh viên kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục khoa học và công nghệ cho trẻ ở trường mầm non; hoàn thiện cho sinh viên phẩm chất nghề nghiệp.
36	59FMP441	Hình thành biểu tượng toán học cho trẻ mầm non	4	Học phần “Hình thành biểu tượng toán học cho trẻ mầm non” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tập hợp và số tự nhiên, các hình hình học, không gian và thời gian; kiến thức chuyên sâu về mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy trẻ làm quen với toán; trên cơ sở đó, hình thành cho sinh viên kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức và đánh giá kết quả hoạt động hình thành biểu tượng toán cho trẻ ở trường mầm non.
37	59TVC431	Dạy tiếng Việt cho trẻ ở trường mầm non	3	Học phần “Dạy tiếng Việt cho trẻ ở trường mầm non” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm. Học phần cung cấp cho sinh viên những vấn đề lý luận về dạy tiếng Việt cho trẻ ở trường mầm non, trên cơ sở đó, phát triển cho sinh viên kỹ năng xây dựng, tổ chức, đánh giá các hoạt động dạy tiếng Việt cho trẻ. Kết quả nghiên cứu học phần giúp sinh viên hoàn thiện năng lực sư phạm, đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Học phần có mối quan hệ chặt chẽ với các học phần thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm của chương trình đào tạo.
38	59OLF441	Tổ chức cho trẻ làm quen tác phẩm văn học	4	Học phần “Tổ chức cho trẻ làm quen tác phẩm văn học” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm trong chương trình đào tạo giáo viên mầm non. Học phần cung cấp

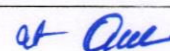
st Qu

				cho sinh viên hệ thống tri thức về văn học trẻ em tuổi mầm non. Trên cơ sở đó hình thành cho sinh viên kỹ năng phân tích, lựa chọn và sử dụng tác phẩm văn học trong giáo dục trẻ ở trường mầm non; kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả tổ chức hoạt động làm quen tác phẩm văn học cho trẻ ở trường mầm non; hoàn thiện cho sinh viên phẩm chất nghề nghiệp. Học phần có mối quan hệ chặt chẽ với các học phần thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm của chương trình đào tạo.
39	59OMP441	Âm nhạc và Tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non	4	Học phần trình bày: - Những vấn đề cơ bản nhất của khái niệm âm nhạc về: Âm; Nhịp; Quãng; Điều thức và giọng; Hợp âm; Những kí hiệu diễn tấu âm nhạc. - Dạy học hai mạch nội dung lý thuyết và thực hành trong chương trình Âm nhạc ở trường mầm non: Kỹ năng giải mã các kí hiệu âm nhạc, Kỹ năng đọc nhạc và biểu cảm âm nhạc, kỹ năng học âm nhạc và năng lực thể hiện âm nhạc ứng dụng theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực sinh viên. - Một số vấn đề chung về giáo dục âm nhạc trong trường mầm non: Vai trò của giáo dục âm nhạc trong quá trình hình thành và phát triển nhân cách trẻ em; Đặc điểm khả năng âm nhạc của trẻ mầm non; Những đặc điểm tâm sinh lý của trẻ mẫu giáo có liên quan đến sự tiếp nhận âm nhạc; Đặt ra nhiệm vụ và phương hướng giáo dục. - Phương pháp dạy các hoạt động âm nhạc: Hoạt động ca hát, Nghe nhạc, Vận động theo nhạc và Trò chơi âm nhạc tại trường mầm non. Thiết kế được các hoạt động dạy học, hướng dẫn trẻ em tiếp cận một cách đơn giản mà nhanh nhất bài học âm nhạc.
40	59OSP441	Tạo hình và Tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	4	Học phần Tạo hình và Tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non giới thiệu những kiến thức cơ bản nhất về nghệ thuật tạo hình; Vận dụng kiến thức như luật xa gần, giải phẫu tạo hình, ký họa, kiến thức về màu sắc, bố cục... để biểu hiện không gian ba chiều lên mặt phẳng hai chiều thông qua các bài tập. Bên cạnh đó góp phần nâng cao những kiến thức khoa học cơ bản về hoạt động tạo hình ở tuổi mầm non, giúp sinh viên rèn luyện được khả năng lĩnh hội, phân tích hệ thống các phương



				pháp, lập kế hoạch tổ chức hoạt động tạo hình (HDTH), giáo dục nghệ thuật tạo hình cho trẻ mầm non. Học phần góp phần nâng cao khả năng nhận thức thẩm mỹ cho sinh viên, giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về nghệ thuật của cái đẹp, biết đánh giá và sáng tạo ra cái đẹp từ đó biết vận dụng trong các bài học tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non.
41	59EES431	Giáo dục tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non	3	Học phần “Giáo dục tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm trong chương trình đào tạo giáo viên mầm non. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về hoạt động giáo dục tình cảm kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non. Trên cơ sở đó hình thành cho sinh viên kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức và đánh giá kết quả tổ chức hoạt động giáo dục tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non; Kết quả nghiên cứu học phần giúp sinh viên hoàn thiện năng lực sư phạm, đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Học phần có mối quan hệ chặt chẽ với các học phần thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm của chương trình đào tạo.
42	59AEC431	Đánh giá trong giáo dục mầm non	3	Học phần “Đánh giá trong giáo dục mầm non” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng, khoa học về đánh giá trong giáo dục mầm non, trên cơ sở đó hình thành cho sinh viên kỹ năng đánh giá sự phát triển của trẻ, đánh giá hoạt động sư phạm của giáo viên, đánh giá kết quả thực hiện chương trình giáo dục, đánh giá bản thân và đồng nghiệp theo chuẩn nghề nghiệp. Học phần có mối quan hệ chặt chẽ với các học phần thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm của chương trình đào tạo.
43	59TPS441	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	4	Học phần “Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm. Học phần củng cố cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các dạng hoạt động giáo dục; Cách thiết kế, tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ ở trường mầm non. Trên cơ sở đó, học phần rèn luyện cho sinh viên cách vận dụng kiến thức vào thực tế chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ; Rèn kỹ năng thiết kế, tổ chức, đánh giá kết quả hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ ở trường mầm non.

44	59PIE421	Thực tập sư phạm 1	2	Học phần “Thực tập sư phạm 1” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chương trình và thực hiện chương trình giáo dục, công tác quản lý của Hiệu trưởng, giáo viên và các hoạt động của trẻ ở trường mầm non. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hình thành được kỹ năng giao tiếp sư phạm mầm non, hoạt động nhóm, ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng, tổ chức và đánh giá kết quả thực hiện hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ; Rèn luyện các phẩm chất nghề nghiệp của người giáo viên mầm non.
45	59PIE432	Thực tập sư phạm 2	3	Học phần “Thực tập sư phạm 2” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm. Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức chuyên sâu về chăm sóc, giáo dục và quản lý trẻ theo nhóm/lớp của giáo viên ở trường mầm non. Trên cơ sở đó, hình thành được cho sinh viên kỹ năng giao tiếp sư phạm mầm non, ứng dụng công nghệ thông tin, lập kế hoạch tổ chức, đánh giá kết quả, thực hiện hoạt động chăm sóc, giáo dục, quản lý trẻ theo nhóm/lớp; Các phẩm chất nghề nghiệp của người giáo viên mầm non.
Các học phần tự chọn			21	
46	59HCP431	Chăm sóc vệ sinh cho trẻ mầm non	3	Học phần “Chăm sóc vệ sinh cho trẻ mầm non” là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm. Học phần này cung cấp kiến thức nền tảng, chuyên sâu về chăm sóc vệ sinh trẻ em; các giai đoạn phát triển của trẻ mầm non; tầm quan trọng và biện pháp chăm sóc vệ sinh các cơ quan và hệ cơ quan cho trẻ. Qua đó trang bị những kiến thức chung về giáo dục thói quen vệ sinh cho trẻ mầm non; hình thành các kỹ năng cơ bản thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục thói quen vệ sinh cho trẻ ở trường mầm non.
47	59TDP431	Dạy múa cho trẻ mầm non	3	Học phần trình bày: - Những vấn đề cơ bản về Nghệ thuật Múa, bồi dưỡng cho sinh viên về cảm thụ thẩm mỹ, rèn luyện kỹ năng thực hiện các động tác và tổ hợp động tác múa để phát triển biên đạo thành các bài múa khác nhau. - Vận dụng những kỹ năng và nguyên tắc biên đạo múa theo các chủ đề khác nhau. - Học phần có một vị trí quan trọng đối với sinh viên, rất cần thiết cho sinh viên trong quá trình công tác và rèn luyện nghiệp vụ.

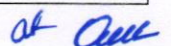
48	59OAF431	Tổ chức hoạt động vui chơi và ngày lễ, ngày hội cho trẻ mầm non	3	Học phần “Tổ chức hoạt động vui chơi và ngày lễ, ngày hội cho trẻ mầm non” là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm. Trên cơ sở cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động vui chơi, hoạt động ngày hội, ngày lễ ở trường mầm non; học phần giúp sinh viên hình thành và phát triển kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá kết quả hoạt động vui chơi của trẻ mầm non; kỹ năng biên soạn, dàn dựng và tổ chức, đánh giá kết quả tổ chức hoạt động ngày lễ, ngày hội cho trẻ ở trường mầm non.
49	59CEE431	Tư vấn giáo dục mầm non	3	Học phần “Tư vấn giáo dục mầm non” là học phần bắt buộc trong khối kiến thức nghiệp vụ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động tư vấn giáo dục mầm non: mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ, quy trình, phương pháp, hình thức tổ chức, nhà tư vấn, đối tượng tư vấn, phương tiện tư vấn, kết quả tư vấn giáo dục mầm non; trên cơ sở đó, hình thành cho sinh viên kỹ năng tư vấn cần thiết trong hoạt động tư vấn giáo dục mầm non.
50	59DUT431	Thiết kế và làm đồ chơi trong giáo dục mầm non	3	Học phần giới thiệu những kiến thức nền tảng về đồ chơi: Khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc làm đồ chơi, cách phân loại đồ chơi; trên cơ sở đó hình thành cho sinh viên kỹ năng thiết kế và làm đồ chơi, biết lựa chọn và sử dụng những chất liệu an toàn, bền chắc và đảm bảo vệ sinh để làm đồ chơi cho trẻ; nguyên tắc bảo quản đồ chơi trong trường mầm non.
51	59GEP431	Giáo dục giới tính cho trẻ mầm non	3	Học phần “Giáo dục giới tính cho trẻ mầm non” là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng, quan điểm khoa học về giáo dục giới tính cho trẻ mầm non, học phần giúp sinh viên hình thành, phát triển kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá hoạt động tích hợp giáo dục giới tính cho trẻ mầm non. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hoàn thiện năng lực sư phạm, đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.
52	59OEP431	Tổ chức môi trường giáo dục cho trẻ mầm non	3	Tổ chức môi trường giáo dục cho trẻ mầm non là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức chuyên sâu, toàn diện về tổ chức môi trường giáo dục cho trẻ mầm non, giúp sinh viên sử dụng những kiến thức đã học để tổ chức có hiệu quả môi trường giáo dục cho trẻ mầm non đồng thời trên cơ sở đó hình thành

at One

				cho sinh viên những kỹ năng tổ chức môi trường giáo dục cho trẻ mầm non.
53	59AIE431	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non	3	Học phần “Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng về ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non, từ đó giúp sinh viên, sử dụng thành thạo một số phần mềm thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục trẻ mầm non. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hoàn thiện năng lực sư phạm, đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.
54	59EEP431	Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non	3	Môn học giới thiệu những kiến thức cơ bản về sinh thái và môi trường, vai trò của môi trường đối với hoạt động nhận thức của trẻ và đối với đời sống con người, qua đó trang bị những kiến thức chung về giáo dục môi trường cho trẻ mầm non; hình thành các kỹ năng cơ bản thiết kế và tổ chức các hoạt động tích hợp giáo dục môi trường cho trẻ ở trường mầm non.
55	59EID431	Can thiệp sớm trẻ khuyết tật	3	Học phần “Can thiệp sớm trẻ khuyết tật” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức thay thế khóa luận tốt nghiệp. Học phần cung cấp cho SV những kiến thức chuyên sâu về can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật và cách thức thực hiện can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật tại gia đình, trường mầm non. Qua đó, SV xác định được nhu cầu, lập được kế hoạch giáo dục cá nhân trong can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật, hỗ trợ gia đình có trẻ khuyết tật và hỗ trợ trẻ khuyết tật tại trường mầm non, đồng thời có kỹ năng tổ chức thực hiện can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật.
56	59TLE431	Kỹ thuật sử dụng ngôn ngữ trong giáo dục trẻ mầm non	3	Là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm, cung cấp cho người học những vấn đề lý luận chung về ngôn ngữ, kỹ thuật sử dụng ngôn ngữ nói, viết, đọc, kể trong giáo dục trẻ mầm non. Trên cơ sở đó, giúp người học phát triển năng lực nghiên cứu, vận dụng các kỹ thuật sử dụng ngôn ngữ trong giáo dục trẻ mầm non phù hợp, linh động, sáng tạo và đạt hiệu quả cao.
57	59SUP431	Lựa chọn và sử dụng tác phẩm âm nhạc trong giáo dục trẻ mầm non	3	Học phần cung cấp kiến thức về âm nhạc trong giáo dục mầm non, bao gồm lý luận cơ bản, vai trò và đặc điểm âm nhạc đối với sự phát triển của trẻ, phân tích các loại hình tác phẩm âm nhạc và nhạc cụ.

ak *Am*

				Về kỹ năng, học viên sẽ biết cách lựa chọn, tổ chức và hướng dẫn trẻ tham gia các hoạt động âm nhạc, cũng như đánh giá sự tiến bộ của trẻ. Về năng lực, học viên sẽ thực hiện đúng các quy định về đạo đức nhà giáo, làm việc nhóm và phát triển khả năng tự học và sáng tạo.
58	59LPE431	Phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non vùng dân tộc thiểu số	3	Học phần “Phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non vùng DTTS” là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm. Học phần cung cấp cho sinh viên những vấn đề lý luận về phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non vùng DTTS, trên cơ sở đó, phát triển cho sinh viên kỹ năng xây dựng, tổ chức, đánh giá các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non vùng DTTS. Kết quả nghiên cứu học phần giúp sinh viên hoàn thiện năng lực sư phạm, đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Học phần có mối quan hệ chặt chẽ với các học phần thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm của chương trình đào tạo.
59	59PCF431	Chuẩn bị cho trẻ vào lớp một	3	Là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành, cung cấp cho người học những vấn đề lý luận chung về việc chuẩn bị cho trẻ vào lớp một như khái niệm, vai trò, các yêu cầu của việc chuẩn bị cho trẻ vào lớp một; những phương pháp, hình thức và tổ chức thực hiện cho trẻ sẵn sàng vào học lớp một.
60	59OPE431	Tổ chức cho trẻ mầm non làm quen với tiếng Anh	3	Học phần “Tổ chức cho trẻ mầm non làm quen với tiếng Anh” là học phần thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm. Học phần cung cấp cho sinh viên những vấn đề lý luận về phát triển ngôn ngữ thứ 2 cho trẻ mầm non, trên cơ sở đó, phát triển cho sinh viên kỹ năng xây dựng, tổ chức, đánh giá các hoạt động nhằm giúp cho trẻ mầm non làm quen với tiếng Anh. Học phần có mối quan hệ chặt chẽ với các học phần thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm của chương trình đào tạo.
4	Khoá luận TN/Các học phần thay thế KLTN		6	
61	59GTG901	Khoá luận tốt nghiệp	6	Theo Quy định chung của Trường
Các học phần thay thế khóa luận			6	
62	59MEE931	Một số mô hình giáo dục mầm non hiện đại	3	Học phần “Một số mô hình giáo dục mầm non hiện đại” là học phần thuộc khối kiến thức thay thế khoá luận tốt nghiệp. Học phần cung cấp cho người học kiến thức nền tảng về một số lý thuyết giáo dục mầm non hiện đại, trên cơ sở



				đó hình thành, phát triển ở người học kĩ năng vận dụng các mô hình giáo dục mầm non hiện đại vào thực tiễn chăm sóc và giáo dục trẻ ở trường mầm non.
63	59MEP931	Quản lý cảm xúc bản thân của người giáo viên mầm non	3	Học phần “Quản lý cảm xúc bản thân của người giáo viên mầm non” là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về cảm xúc bản thân của giáo viên mầm non, quản lý cảm xúc bản thân của người giáo viên mầm non, kỹ năng quản lý cảm xúc của bản thân giáo viên mầm non, các hoạt động bồi dưỡng kĩ năng quản lý cảm xúc bản thân của người giáo viên mầm non. Trên cơ sở đó, người học vận dụng để thực hiện các nhiệm vụ trong hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non.
64	59STE931	Chuyên đề giáo dục mầm non	3	Học phần “Chuyên đề giáo dục mầm non” là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức thay thế khóa luận tốt nghiệp. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ mầm non, trên cơ sở đó giúp sinh viên hình thành và phát triển kĩ năng xây dựng kế hoạch, môi trường, tổ chức và đánh giá kết quả tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non.
65	59APP931	Thích ứng nghề của người giáo viên mầm non	3	“Thích ứng nghề của người giáo viên mầm non” Là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành, cung cấp cho người học những vấn đề lí luận chung về phát triển năng lực thích ứng nghề của giáo viên mầm non. Trên cơ sở đó, người học lập được kế hoạch phát triển bản thân để thích ứng với yêu cầu phát triển nghề nghiệp.
Tổng cộng			128	


 a Que